

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 04/2023/DS-PT

Ngày 03/01/2023

V/v: Kiện đòi tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức và ông Vũ Văn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 03/01/2023 tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2022/TLPT-DS ngày 02/11/2022 về việc “*Kiện đòi tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 56/2022/DS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 236/2022/QĐPT-DS ngày 14/11/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Thôn 13, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Dư Thị T1, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn 13, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn T2; Nơi cư trú: Thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk: Vắng mặt tại phiên tòa;

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Dư Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 04/02/2013 tôi có cho bà Dư Thị T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn thanh toán vào ngày 30/7/2016. Đến ngày 05/4/2015 bà T1 tiếp tục vay thêm của tôi số tiền 137.680.000 đồng, thời hạn thanh toán vào ngày 30/7/2015. Tổng cộng 02 lần vay là 157.680.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Khi vay bà T1 trình bày là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình, hai bên không thỏa thuận lãi suất vay. Cả hai lần vay bà T1 đều viết giấy vay tiền và ký tên xác nhận (Lần vay thứ hai còn có chồng của bà T1 là ông Ngô Phi M ký nhận nhưng hiện nay ông M đã chết).

Mặc dù đã quá thời hạn trả nợ từ lâu nhưng bà T1 chỉ mới hoàn trả cho tôi được số tiền 5.000.000 đồng nợ gốc rồi không trả thêm được khoản nợ nào khác. Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Dư Thị T1 phải có trách nhiệm hoàn trả cho tôi số tiền vay gốc còn nợ là 152.680.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Tôi không yêu cầu bà T1 phải tính khoản tiền lãi suất phát sinh.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng mà bà T1 vay của ông T2 và cam kết trả nợ đối với ông T2 thì tôi chỉ là người làm chứng, tôi không hề liên quan đến số tiền 200.000.000 đồng mà bà T1 vay của ông T2. Ngày 9/12/2016 tôi có nhận thay cho ông T2 số tiền 10.000.000 đồng từ bà T1. Tôi yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, ngoài ra tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

2. Bị đơn bà Dư Thị T1 trình bày:

Tôi thừa nhận lời trình bày của bà Hồ Thị T về việc vào ngày 04/02/2013 tôi có vay của bà T số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 30/7/2016. Đến ngày 05/4/2015 vợ chồng tôi vay thêm của bà T số tiền 137.680.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 30/7/2015. Tổng cộng 02 lần vay là 157.680.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Vợ chồng tôi vay tiền của bà T để về làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Cả hai lần vay tôi đều viết và ký tên xác nhận vào giấy vay tiền của bà T. (Lần vay thứ hai còn có chồng tôi ông Ngô Phi M ký xác nhận nhưng hiện nay chồng tôi đã chết).

- Về lãi suất vay: Đối với số tiền 20.000.000 đồng thì hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 25.000đồng/1.000.000đồng/01tháng. Đối với số tiền vay 137.680.000 đồng thì hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 3.000đồng/1.000.000 đồng/01 ngày.

Đến khoảng tháng 8/2015 tôi trả trực tiếp cho bà T 40.000.000 đồng tiền lãi suất đối với khoản vay 130.000.000 đồng, khi trả tôi không lập chứng từ gì và cũng không có ai làm chứng. Ngày 5/4/2015 tôi trả cho bà T được 5.000.000 đồng nợ gốc (có ghi vào giấy vay tiền). Sau đó do làm ăn khó khăn nên tôi không trả thêm được khoản nợ nào cho bà T nên bà T yêu cầu tôi chuyển nợ qua trả cho ông Đỗ Văn T2 với tổng số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh là 200.000.000 đồng, nên ngày 31/01/2016 tôi đã viết giấy vay tiền của ông Đỗ Văn T2, trú tại Thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với số tiền 200.000.000 đồng (tôi biết ông T2 là do bà T dẫn ông T2 tới), sau đó tôi viết tiếp giấy cam đoan với bà T (là người làm chứng) và hẹn ngày 15/10/2016 (Âm lịch) tôi sẽ trả trước cho ông T2 số tiền vay gốc 70.000.000 đồng. Sau khi chuyển nợ thì đến ngày 9/12/2016 tôi đã trả cho anh Đỗ Văn T2 10.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiếp đến ngày 13/12/2016 tôi trả cho ông T2 thêm số tiền 14.000.000 đồng, cả hai lần trả đều có bà T viết giấy nhận tiền và ký nhận. Rồi sau đó tôi không thấy ông T2 đến đòi tiền nên tôi không trả thêm được khoản nợ nào khác.

Nay bà Hồ Thị T làm đơn khởi kiện tôi số tiền vay còn nợ là 152.680.000 đồng thì tôi không đồng ý trả nợ cho bà T, vì toàn bộ số nợ giữa tôi và bà T đã cản trừ nghĩa

vụ trả nợ qua ông T2. Tôi yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, ngoài ra tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T2 trình bày:

Do có mối quan hệ làm ăn buôn bán với bà Hồ Thị T, thông qua bà T thì tôi có biết bà Dư Thị T1 và chồng bà T1 là ông Ngô Phi M (đã chết). Được sự giới thiệu của bà T nên vào ngày 31/01/2016 tôi có cho vợ chồng bà Dư Thị T1, ông Ngô Phi M (đã chết) vay số tiền 200.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả vào ngày 31/12/2016, sau đó bà T1 có viết cho tôi 01 giấy cam kết trả nợ, có bà T xác nhận là người làm chứng, bà T1 hẹn tôi đến ngày 15/10/2016 (Âm lịch) sẽ trả cho số tiền vay gốc 70.000.000 đồng, nhưng cho đến ngày 9/12/2016 bà T1 mới trả cho tôi được số tiền 10.000.000 đồng (bà T nhận thay cho tôi từ bà T1), tiếp đến ngày 13/12/2016 bà T1 có trả cho tôi được số tiền 14.000.000 đồng, tổng cộng bà T1 trả cho tôi được số tiền gốc 24.000.000 đồng, còn nợ lại tôi số tiền gốc 176.000.000 đồng. Hiện tại do công việc bận rộn nên tôi chưa làm đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đối với bị đơn bà Dư Thị T1 đối với số tiền còn nợ của tôi 176.000.000 đồng, sau này sắp xếp được công việc tôi sẽ làm đơn khởi kiện đối với bà T1.

Bà T làm đơn khởi kiện bà T1 số tiền vay gốc còn nợ là 152.680.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án bà T1 cho rằng toàn bộ số nợ giữa bà T1 và bà T đã được các bên đồng ý chuyển nợ qua cho tôi với tổng số tiền gốc và tiền lãi là 200.000.000 đồng là hoàn toàn không đúng sự thật. Giữa tôi với bà Hồ Thị T và bà Dư Thị T1 không hề có sự thỏa thuận nào về việc cản trở nghĩa vụ trả tiền giữa bà Dư Thị T1 và bà Hồ Thị T cho tôi đối với số tiền 200.000.000 đồng. Tôi yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, ngoài ra tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2022/DS-ST ngày 06/9/2022 của TAND huyện Krông Pắc đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 195, Điều 203 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 164, Điều 169, Điều 256, Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 155, điểm c, d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị T. Buộc bà Dư Thị T1 phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Hồ Thị T số tiền vay gốc còn nợ là 152.680.000 đồng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, chi phí tố tụng, án phí.

Ngày 12/9/2022, bị đơn bà Dư Thị T1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nói trên.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các lời khai, lời trình bày như tại cấp sơ thẩm đã khai, đã trình bày không cung cấp yêu cầu, chứng cứ, tài liệu nào mới, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên các lời trình bày, lời khai tại cấp sơ thẩm, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định pháp luật tố tụng dân sự

+ Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Giấy vay tiền ngày 05/4/2015 thể hiện bà T1 và ông M cùng ký giấy vay tiền của bà T. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm không đưa ông M tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và trường hợp ông M chết không xác định người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là thiếu sót. Tòa án không thu thập chứng cứ là giấy vay tiền gốc, không xác định trách nhiệm trả nợ của bà T1 và xác định chữ ký và chữ viết để lưu hồ sơ vụ án là thiếu sót.

Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm, bà T1 có làm đơn tố cáo ông T2 nhưng cấp sơ thẩm chưa thu thập kết quả xác minh giải quyết tố cáo này là thiếu sót.

Ngoài ra, chưa làm rõ nhiều lần bà T1 đã trả nợ cho bà T tại các biên bản hòa giải và biên bản đối chất.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không đưa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng, chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để giải quyết vụ án. Nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn bà Dư Thị T1.
- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm hợp lệ, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Dư Thị T1.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền dựa trên 02 tài liệu, chứng cứ là: Giấy vay tiền ngày 04/02/2013 vay 20.000.000 đồng và Giấy vay tiền ngày 05/4/2015 vay 137.680.000 đồng, tổng cộng 02 lần vay là 157.680.000 đồng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập bản gốc 02 tài liệu, chứng cứ nói trên để lưu hồ sơ vụ án, chỉ là bản photocopy (bút lục số 02, 03). Các tài liệu, chứng cứ là bản photocopy này chưa đủ cơ sở pháp lý để làm cơ sở để xác định, đánh giá chứng cứ theo quy định tại khoản

1 Điều 95, Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ khi giao nộp tài liệu chứng cứ quy định tại khoản 5 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Tại Toà án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và nguyên đơn đều thống nhất khai rằng: Lần vay thứ hai ngày 05/4/2015 vay số tiền 137.680.000 đồng, có chồng của bị đơn là ông Ngô Phi M tham gia ký nhận. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm không đưa ông Ngô Phi M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án để xác định nghĩa vụ liên đới với bị đơn để trả nợ đối với khoản tiền vay 137.680.000 đồng. Nếu ông Ngô Phi M đã chết thì phải tìm, xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Phi M để tham gia tố tụng trong vụ án này theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định nghĩa vụ liên đới trả nợ với bị đơn đối với khoản tiền vay 137.680.000 đồng.

Ngoài ra, tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn khai rằng đã nhiều lần làm Đơn tố cáo ông Đỗ Văn T2 tới Công an huyện Krông Pắc vì đã cùng phối hợp với nguyên đơn có hành vi dùng vũ lực ép buộc bị đơn phải viết Giấy vay nợ khác với số tiền 200.000.000 đồng để chuyển các khoản nợ nói trên sang khoản nợ 200.000.000 đồng này mà không nhận một đồng nào từ khoản nợ này. Cấp sơ thẩm cũng chưa xác minh, thu thập kết quả giải quyết nội dung Đơn tố cáo này của bị đơn tại Công an huyện Krông Pắc để có căn cứ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các nội dung khác của vụ án cũng là thiếu sót, chưa giải quyết triệt để, toàn diện, khách quan vụ án.

Cấp sơ thẩm buộc một mình bị đơn bà Dư Thị T1 phải trả cho nguyên đơn số tiền 152.680.000 đồng và lãi suất trong giai đoạn thi hành án mà chưa xem xét, giải quyết, quyết định các nội dung nêu trên là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của bị đơn. Những thiếu sót này không thể khắc phục, sửa chữa được tại giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Vì những lý do nêu trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, chấp nhận ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk, hủy bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần Đơn kháng cáo của bị đơn – bà Dư Thị T1;

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 56/2020/DS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Được quyết định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả bà Dư Thị T1 300.000 đồng theo Biên lai số 0016451 ngày 12/9/2022 tại Chi cục THADS huyện Krông Pắc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Trần Duy Phương